

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DSST
Ngày 22 tháng 01 năm 2019
V/v: Tranh chấp HN&GD

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sỹ Tổ
2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **365/2018/TLST- HNGĐ**, ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **167/2019/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 07/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số **68/2019/QĐST - HNGĐ**, ngày 15/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị H - sinh năm 1988.

Trú tại: Bản Q, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: làm ruộng (có mặt)

- Bị đơn: anh Nguyễn Công N - sinh năm 1986

Trú tại: xóm 7 - xã L - huyện Y - tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng (vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 17/11/2018, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Lương Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Công N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình và đăng ký kết hôn vào 20/02/2008, tại UBND xã L - huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc

dù gia đình hai bên đã khuyên nhủ hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng không đem lại kết quả gì. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và sống ly thân từ năm 2015. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Công N.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Công N - sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Công B - sinh ngày 01/5/2012. Hiện Nay cháu N đang ở với ông bà nội do anh N thường xuyên đi làm ăn xa thi thoảng mới về nên chị rất nóng lòng được mang con theo để có điều kiện gần gũi chăm sóc con, còn cháu B vẫn đang ở với chị. Nay ly hôn chị H tha thiết nguyện vọng được nuôi 2 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng chị đề nghị Tòa xem xét.

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Công N: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn không có mặt. Tòa án đã trực tiếp tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh N theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N không có mặt ở nhà, bố đẻ anh N là ông Nguyễn Công D đã nhận trách nhiệm đồng thời ông D cam kết sẽ giao và thông báo cho anh N về tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N vẫn không có mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không lấy lời khai của anh N được. Tuy nhiên qua tài liệu do nguyên đơn cung cấp và qua biên bản xác minh tại xóm, xã thì tình trạng hôn nhân giữa chị Lương Thị H và anh Nguyễn Công N cơ bản như chị H trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của chị Lương Thị H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H, anh N; yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh N không có mặt. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 15/01/2019 chị H có mặt, anh N vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử lại vào ngày 22/01/2019 cho các bên đương sự tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn

vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị H, anh N là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế thì thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng thời gian gần đây không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra và thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Trên cơ sở đó xác định tình cảm vợ chồng không còn gắn kết, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Việc nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của các bên vì vậy nguyện vọng của chị H là nguyện vọng chính đáng cần xem xét.

Xét hoàn cảnh hiện tại của cháu Nguyễn Công N thì từ khi chị H và anh N ly thân cháu N ở với anh N và bố mẹ anh N, mặc dù theo chị H trình bày anh N phải đi làm để kiếm tiền nuôi con nhưng việc đi làm ăn của anh N không phải là đi biển biệt mật khác cháu N cho rằng cháu được ông bà chăm sóc chu đáo từ sinh hoạt cho đến học tập vì vậy hiện tại cháu N ở với anh N và ông bà nội là hoàn toàn đảm bảo. Việc chị H trình bày tại phiên tòa anh N đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con và mong muốn được nuôi cả hai con thì sẽ khó khăn cho chị H về kinh tế, mặt khác từ khi chị H và anh N sống ly thân việc gần gũi và chăm cháu N thì không bằng bên nội và anh N, hơn nữa cần xét điều kiện hiện nay của cháu N đã sinh sống trong một môi trường quen thuộc từ học tập cho đến sinh hoạt việc thay đổi đối với cháu ở lứa tuổi của cháu hiện nay là không phù hợp, ông bà còn khỏe mạnh luôn bên cạnh cháu hỗ trợ cho anh N trong việc chăm sóc cháu N khi anh đi làm hơn nữa nguyện vọng của cháu N là được ở với bố và ông bà. Do đó cần tiếp tục giao cháu N cho anh N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu.

Xét cháu B hiện tại còn nhỏ dưới 7 tuổi mà đang ở với chị H từ khi vợ chồng ly thân vì vậy cần giao cháu B cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Các bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật.

- Quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

- **Về án phí:** Chị Lương Thị H phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56; 81; 82; 83 của luật Hôn Nhân và Gia đình;

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công N.

- **Về con chung:** Buộc chị Lương Thị H phải giao con chung là cháu Nguyễn Công N - sinh ngày 19/5/2008 cho anh Nguyễn Công N chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Buộc anh Nguyễn Công N phải giao con chung là cháu Nguyễn Công B - sinh ngày 01/5/2012 cho chị Lương Thị H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị H, anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Án phí:** Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc chị Lương Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị H được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành (Biên lai thu tiền số: 0003118, ngày 10 tháng 12 năm 2018), chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Lương Thị H, vắng mặt anh Nguyễn Công N. Tuyên bố để các bên đương sự biết, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các bên Đương sự.
- VKSND H. Yên Thành
- THADS H. Yên Thành
- TAND tỉnh .
- UBND xã L
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Nhung